TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2018/DS-ST
Ngày: 28-03-2018
V/v "tranh chấp hợp đồng dịch vụ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thương
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Liên Hương
Ông Đặng Văn Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trúc Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 220/2017/TLST- DS ngày 4 tháng 7 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị M, sinh năm 1937. Cư trú tại: đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Võ Thị Ngọc D, sinh năm 1970. Cư trú tại: đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Hợp đồng ủy quyền ngày 21 tháng 6 năm 2017).

- *Bị đơn:* Ông Lưu Văn L, sinh năm 1979. Cư trú tại: đường E, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người làm chứng*: Ông Võ H. Cư trú tại: đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 6 năm 2017 của bà Phạm Thị M và quá trình giải quyết vụ án bà Võ Thị Ngọc D là người đại diện của nguyên đơn trình bày: Bà M và ông L có ký Hợp đồng ủy quyền ngày 6/2/2012 tại Phòng công chứng số 3, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung: Bà M ủy quyền cho ông L tham gia tố tụng giải quyết vụ án "Đòi tài sản" tại Tòa án nhân dân các cấp. Ngoài ra, bà M và ông L có ký Hợp đồng thỏa thuận là bà M sẽ trả cho ông L 400.000.000 đồng sau khi

hoàn thành giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, bà M đã đặt cọc trước là 200.000.000 đồng. Ông L đã cam kết là lấy toàn bộ căn nhà trả lại cho bà M, ngược lại nếu như không đúng cam kết thì ông L sẽ trả lại toàn bộ số tiền mà bà M đã giao (hai trăm triệu). Tuy nhiên, khi Tòa án triệu tập thì ông L không đến để giải quyết vụ việc. Vì vậy, bà M đã yêu cầu ông L kết thúc Hợp đồng ủy quyền và hoàn trả lại toàn bộ tiền đặt cọc. Hợp đồng ủy quyền đã kết thúc, bà M đã nhiều lần đòi tiền lại nhưng ông L vẫn không hoàn trả. Nay bà M yêu cầu ông L phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền bà M đã giao là 200.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hợp đồng thỏa thuận giữa bà M với ông L liên quan đến căn nhà đường I, Phường B, quận C không ghi ngày tháng năm vì quên. Bà M giao cho ông L số tiền 200.000.000 đồng thì không có làm giấy tờ giao nhận tiền nên không có chứng cứ bà M giao tiền cho ông L, do đó không có chứng cứ để nộp cho Tòa. Hợp đồng ủy quyền của bà M và ông L không có thù lao nhưng hai bên có thỏa thuận tiền thù lao là 400.000.000 đồng và bà M đã đưa cho ông L là 200.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, nhận thấy nguyên đơn không đưa ra chứng cứ đã đưa số tiền 200.000.000 đồng cho bị đơn. Cho nên, không đủ căn cứ để xác định bị đơn đã nhận tiền của nguyên đơn. Do đó, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn, bị đơn là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại quận Tân Bình, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[3.1] Ngày 6/02/2012, tại Phòng Công chứng số 3, Thành phố Hồ Chí Minh giữa bà Phạm Thị M (Bên ủy quyền: Bên A) và ông Lưu Văn L (Bên được ủy quyền: Bên B) có ký với nhau Hợp đồng ủy quyền với nội dung như sau: Bên B được quyền thay mặt Bên A đến Phòng Tài nguyên Môi trường quận C để giải

quyết việc tranh chấp đối với căn nhà số đường I, Phường B, quận C giữa bà Phạm Thị M và ông Võ Ngọc N.
Thù lao: Không có; Thời hạn ủy quyền: Cho đến khi Phòng Tài nguyên Môi trường giải quyết việc tranh chấp trên.

Căn cứ vào Hợp đồng nêu trên thì giữa các bên đã thực hiện một hợp đồng dân sự về ủy quyền. Theo đó, nguyên đơn ủy quyền cho bị đơn thay mặt nguyên đơn đến Phòng Tài nguyên Môi trường quận C để giải quyết việc tranh chấp đối với căn nhà đường I, Phường B, quận C giữa nguyên đơn và ông Võ Ngọc N. Việc ký kết Hợp đồng ủy quyền giữa các bên là phù hợp theo quy định pháp luật tại Điều 581 Bộ luật dân sự 2005.

[3.2] Tại Hợp đồng thỏa thuận ký tay (không ghi ngày tháng năm) giữa Bên A: Phạm Thị M và Bên B: Lưu Văn L có nội dung: 1/ Bên B đại diện bên A tham gia Tòa án nhân dân các cấp và các cơ quan có thẩm quyền trong vụ án "Đòi tài sản" đối với căn nhà đường I, Phường B, quận C, TP.HCM giữa bà Phạm Thị Mận và ông Võ Ngọc N. 2/ Cam kết của bên B: Bên B cam kết sẽ lấy lại căn nhà trên cho bên A, bên B không thực hiện đúng cam kết trên thì bên B sẽ thanh toán lại cho bên A toàn bộ số tiền mà bên A đã giao cho bên B. 3/ Chi phí: Bên A sẽ trả cho bên B tổng cộng là 400.000.000 đồng chi phí và 100.000.000 đồng tiền bên A thưởng cho bên B. Bên A sẽ thanh toán số tiền 400.000.000 đồng thành 4 lần. Lần I: bên A thanh toán cho bên B 100.000.000 đồng ngay sau khi hợp đồng này được ký kết. Lần II: bên A thanh toán cho bên B 100.000.000 đồng vào ngày 6/3/2012. Lần III: bên A thanh toán cho bên B 100.000.000 đồng ngay sau khi có bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực….Lần 4: bên A thanh toán cho bên B 100.000.000 đồng ngay sau khi có giấy biên nhận cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở.

Căn cứ vào Hợp đồng thỏa thuận thấy rằng: Hợp đồng này không thể hiện ngày tháng năm ký hợp đồng. Theo trình bày của bà D đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là do quên không ghi ngày tháng năm. Tuy nhiên, những nội dung được thể hiện trên hợp đồng như là một hợp đồng dịch vụ. Theo đó, bên bị đơn thực hiện một công việc cho bên nguyên đơn, còn bên nguyên đơn trả tiền công dịch vụ cho bên bên bị đơn. Việc giao kết thỏa thuận của các bên về thực hiện công việc dịch vụ là phù hợp theo Điều 518 Bộ luật dân sự 2005.

[3.3] Tại Hợp đồng chấm dứt Hợp đồng ủy quyền ngày 5/5/2017 tại Phòng Công chứng số 3 Thành phố Hồ Chí Minh giữa Bên ủy quyền (bên A): Phạm Thị M và Bên được ủy quyền (bên B): Lưu Văn L có nội dung: nguyên vào ngày 6/02/2012, bên A đã ủy quyền cho bên B giải quyết tranh chấp theo Hợp đồng ủy quyền số 1894 do Phòng Công chứng số 3 chứng nhận. Nay bằng Hợp đồng này chúng tôi thỏa thuận như sau: hai bên cùng đồng ý chấm dứt toàn bộ và vô điều kiện Hợp đồng ủy quyền nêu trên. Kể từ ngày hai bên ký kết Hợp đồng về việc chấm dứt Hợp đồng ủy quyền, Hợp đồng ủy quyền số 1894 ngày 6/02/2012 không còn hiệu lực.

Như vậy, căn cứ vào những nội dung được thể hiện tại Hợp đồng này thì giữa các bên đã thỏa thuận chấm dứt việc ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền ngày 6/02/2012.

[3.4] Vấn đề mà nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết đối với bị đơn theo đơn khởi kiện ngày 15/6/2017 là yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 200.000.000 đồng đã giao cho bị đơn.

Nguyên đơn trình bày: Theo thỏa thuận tại Hợp đồng thỏa thuận bị đơn có cam kết sẽ lấy lại căn nhà cho nguyên đơn, nếu không thực hiện đúng cam kết thì bị đơn sẽ thanh toán lại cho nguyên đơn. Số tiền nguyên đơn đã giao cho bị đơn là 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn đã không thực hiện công việc dịch vụ như đã thỏa thuận cũng không trả lại số tiền đã nhận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền này.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn trả lại số tiền 200.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại Hợp đồng ủy quyền ngày 6/02/2012 không thể hiện công việc ủy quyền có thù lao nhưng tại Hợp đồng thỏa thuận không ngày tháng năm thì có ghi số tiền chi phí là 400.000.000 đồng sẽ được thanh toán làm 4 lần như đã nêu trên. Nguyên đơn khẳng định đã giao cho bị đơn 200.000.000 đồng làm 2 lần. Lần 1 giao 100.000.000 đồng ngay sau khi ký Hợp đồng thỏa thuận. Lần 2 giao 100.000.000 đồng vào ngày 6/3/2012. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 04/01/2018 thì ông Võ H khai: " Tôi là con trai lớn của bà M…tôi có chứng kiến việc mẹ tôi đưa cho L 200.000.000 đồng. Mẹ tôi đưa 1 lần số tiền này tại nhà của tôi…".

Căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì không có chứng cứ nào thể hiện nguyên đơn đã giao số tiền 200.000.000 đồng cho bị đơn. Nguyên đơn cũng thừa nhận khi giao 200.000.000 đồng cho bị đơn không làm giấy tờ biên nhận nên không có chứng cứ cung cấp cho Tòa. Hợp đồng thỏa thuận cũng không ghi ngày tháng năm nên không có căn cứ để xác lập thời điểm ký hợp đồng là khi nào. Như vậy, việc nguyên đơn cho rằng đã giao cho bị đơn số tiền 200.000.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ thể hiện bị đơn có nhận số tiền này nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định là: 200.000.000 đồng x 5% = 10.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 85, 177; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Điều 518, 581 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M đòi ông Lưu Văn L trả số tiền 200.000.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.000.000 đồng theo biên lai số 0006443 ngày 29/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình. Bà M còn phải nộp 5.000.000 (Năm triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND quận G, Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS quận G, Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Võ Thị Kim Thương